

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3667 /TTPTQĐ

Biên Hòa, ngày 17 tháng 09 năm 2023

Về việc lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất đối với các trường hợp được giải quyết chỗ ở (nơi ở) tại các khu tái định cư trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

Kính gửi:

- Công ty CP định giá và đầu tư kinh doanh BĐS Thịnh Vượng;
- Công ty TNHH định giá Bến Thành – Hà Nội;
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá và dịch vụ tài sản Toàn Cầu;
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Thăng Long – T.D.K;
- Công ty TNHH Thẩm định giá SAG;
- Công ty TNHH tư vấn và định giá Châu Thành;
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá An Phú;
- Công ty TNHH Thẩm định giá EOI-Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt;
- Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định Eximvas;
- Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam;
- Công ty TNHH Thẩm định giá Tầm nhìn mới;
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá Sen Việt;
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá Trung Tín;
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai;
- Công ty TNHH Kiểm toán định giá Đại Dương;
- Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm định giá Phú Khang;
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá TCVALUE;
- Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt.



*Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

*Thực hiện Văn bản số 13799/UBND-KTNS ngày 07/09/2023 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao nhiệm vụ lập thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố Biên Hòa.*

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa thông tin đến các đơn vị tư vấn giá đất cụ thể nội dung như sau:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 19 đơn vị tư vấn giá đất cụ thể như nêu trên đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận đủ điều kiện, năng lực tham gia định giá đất cụ thể tại Văn bản số 1911/UBND-KTNS ngày 07/3/2023 và Văn bản số 8067/UBND-KTNS ngày 09/8/2023. Để thuận lợi cho việc thương thảo, lựa chọn, ký kết các hợp đồng tư vấn, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa đã có văn bản gửi các đơn vị tư vấn đề nghị các đơn vị tư vấn liên hệ, cung cấp thông tin liên lạc đến Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa (Văn bản số 1023/TTPTQD ngày 22/3/2023 và Văn bản số 2489/TTPTQD ngày 05/7/2023). Tuy nhiên, đến nay Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa chưa nhận được phản hồi của một số đơn vị tư vấn. Do đó, trong thời gian qua Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa chỉ thực hiện chào giá dịch vụ một số đơn vị tư vấn có cung cấp hồ sơ năng lực, có người đại diện làm việc, cụ thể, rõ ràng với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa.

Bằng văn bản này, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa thông báo đến toàn bộ 19 đơn vị tư vấn, đề nghị báo giá kinh phí dịch vụ xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất đối với các trường hợp được giải quyết chỗ ở (nơi ở) tại các khu tái định cư trên địa bàn thành phố Biên Hòa đối với 05 dự án gồm: Dự án Khu Tái định cư phường Tân Hiệp, Dự án Khu Tái định cư phường Long Bình, Dự án Khu Tái định cư tuyến tránh Quốc lộ 1A phường Phước Tân, Dự án Khu dân cư và Tái định cư phường phường Phước Tân, Dự án Khu Tái định cư phường Tân Biên (*theo danh sách và thông tin chi tiết đính kèm*) đến Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa để có cơ sở thương thảo, lựa chọn, ký kết các hợp đồng tư vấn.

Do tính chất cấp bách triển khai công tác hỗ trợ tái định cư của các dự án trọng điểm, đề nghị các đơn vị tư vấn quan tâm và sớm có phản hồi về Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa trước ngày 08/10/2023 (*kèm theo hồ*



sơ năng lực). Sau ngày 08/10/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa không nhận được Văn bản phúc đáp của các đơn vị tư vấn nào xem như đơn vị tư vấn đó không tham gia thực hiện dịch vụ tư vấn định giá. Rất mong sự phối hợp! (ĐT liên hệ: 0908.530.820 đ/c Linh)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND Tp.BH (b/c);
- Cổng thông tin điện tử TP.BH;
- Lưu: VT. PQL&PTQĐ.

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Đức Hoàng**



DANH SÁCH

Các thửa đất cần xác định vị trí để tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp được giải quyết chỗ ở (nơi ở), tại các khu tái định cư trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

(Kèm theo Văn bản số 36.67/TTPTQĐ ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa)

| Số TT                                     | Họ và Tên                                | Địa chỉ                            | Lô đất bóc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường   | Diện Tích |
|-------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|-------|---------|----------|-----------|
| <b>1. Khu Tái định cư phường Tân Hiệp</b> |                                          |                                    |                 |       |         |          |           |
| 1                                         | Nguyễn Thị Hoa                           | KP phường Tân Hiệp                 | 07-L7           | 11    | 508     | Tân Hiệp | 112.6     |
| 2                                         | Mai Hoàng Linh                           | phường Trảng Dài                   | 11-L4           | 11    | 610     | Tân Hiệp | 90        |
| 3                                         | Nguyễn Huy Hiền                          | KP1 phường Bửu Long                | 1-L7            | 11    | 502     | Tân Hiệp | 114.6     |
| 4                                         | Nguyễn Ngọc Phước- Nguyễn Thị Dương Thủy | 12 KP4, phường Bửu Long            | 03-L6           | 11    | 516     | Tân Hiệp | 109.6     |
| 5                                         | Lê Thị Kim Thùy                          | KP5, phường Bửu Long               | 03-L8           | 11    | 492     | Tân Hiệp | 121.7     |
| 6                                         | Trần Thị Ngọc Mai - Phan Văn Học         | 1/5A, KP4, phường Bửu Long         | 06-L5           | 11    | 531     | Tân Hiệp | 110       |
| 7                                         | Trần Thị Hoa - Nguyễn Văn Tánh           | 1/5B, KP4, phường Bửu Long         | 02-L1           | 11    | 570     | Tân Hiệp | 110       |
| 8                                         | Phạm Ngọc Quân- Đinh Thị Diễm            | 82B/T, tổ 5, Kp1A, phường Tân Hiệp | 19-L3           | 11    | 550     | Tân Hiệp | 90        |
| 9                                         | Trần Đức Hòa - Nguyễn Thị Miên           | 82A, tổ 5, Kp1A, phường Tân Hiệp   | 18-L3           | 11    | 551     | Tân Hiệp | 90        |
| 10                                        | Phan Thị Trâm Anh- Lưu Hữu Nguyên        | 99B, tổ 5, Kp1A, phường Tân Hiệp   | 16-L3           | 11    | 553     | Tân Hiệp | 90        |
| 11                                        | Trịnh Xuân Thìn- Lê Thị Hà               | 82C/T tổ 5, Kp1A, phường Tân Hiệp  | 09-L3           | 11    | 596     | Tân Hiệp | 90        |
| 12                                        |                                          |                                    | 14-L2           | 11    | 567     | Tân Hiệp | 90        |
| 13                                        |                                          |                                    | 15-L2           | 11    | 566     | Tân Hiệp | 90        |
| 14                                        |                                          |                                    | 16-L2           | 11    | 565     | Tân Hiệp | 90        |

| Số TT | Họ và Tên     | Địa chỉ | Lô đất bóc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường   | Diện Tích |
|-------|---------------|---------|-----------------|-------|---------|----------|-----------|
| 15    | Dự kiến 17 hộ |         | 17-L2           | 11    | 564     | Tân Hiệp | 90        |
| 16    |               |         | 18-L2           | 11    | 563     | Tân Hiệp | 90        |
| 17    |               |         | 19-L2           | 11    | 562     | Tân Hiệp | 90        |
| 18    |               |         | 20-L2           | 11    | 561     | Tân Hiệp | 90        |
| 19    |               |         | 21-L2           | 11    | 560     | Tân Hiệp | 90        |
| 20    |               |         | 22-L2           | 11    | 559     | Tân Hiệp | 90        |
| 21    |               |         | 23-L2           | 11    | 558     | Tân Hiệp | 90        |
| 22    |               |         | 15-L3           | 11    | 554     | Tân Hiệp | 90        |
| 23    |               |         | 17-L3           | 11    | 552     | Tân Hiệp | 90        |
| 24    |               |         | 20-L3           | 11    | 549     | Tân Hiệp | 90        |
| 25    |               |         | 21-L3           | 11    | 548     | Tân Hiệp | 90        |
| 26    |               |         | 22-L3           | 11    | 547     | Tân Hiệp | 90        |
| 27    |               |         | 23-L3           | 11    | 546     | Tân Hiệp | 90        |
| 28    |               |         | 16-L4           | 11    | 541     | Tân Hiệp | 90        |
| 29    |               |         | 17-L4           | 11    | 540     | Tân Hiệp | 90        |
| 30    |               |         | 19-L4           | 11    | 538     | Tân Hiệp | 90        |
| 31    |               |         | 20-L4           | 11    | 537     | Tân Hiệp | 90        |
| Tổng  |               |         |                 |       |         |          | 2928.5    |

2. Khu tái định cư phường Long Bình (14,2ha)

2. Khu tái định cư phường Long Bình (14,2ha)

| Số TT | Họ và Tên                                       | Địa chỉ                               | Lô đất bóc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường    | Diện Tích |
|-------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|-------|---------|-----------|-----------|
| 1     | Trịnh Minh Sơn                                  | Phường Long Bình                      | C58             | 7     | 339     | Long Bình | 75.6      |
| 2     | Nguyễn Ngọc Tuấn                                | tổ 8, Kp 2, Phường Long Bình          | K25             | 8     | 165     | Long Bình | 75.6      |
| 3     | Nguyễn Xuân Viêt                                | Phường Long Bình                      | E49             | 7     | 181     | Long Bình | 75.6      |
| 4     | Lê Văn Lâm - Hoàng Thị Huế                      | Khu phố Hương Phước, P. Phước Tân     | L28             | 8     | 134     | Long Bình | 75.6      |
| 5     | Nguyễn Danh Nghĩa - Nguyễn Thị Quế Hương        | Khu phố Hương Phước, P. Phước Tân     | B05             | 7     | 285     | Long Bình | 76.2      |
| 6     | Vũ Trọng Thuận - Trần Thị Hào                   | Khu phố Hương Phước, P. Phước Tân     | L29             | 8     | 133     | Long Bình | 75.6      |
| 7     | Mai Văn Long - Hoàng Thị Lan                    | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | C53             | 7     | 334     | Long Bình | 75.6      |
| 8     | Nguyễn Trung Tỳ - Đặng Thị Hương                | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | E09             | 7     | 163     | Long Bình | 72        |
| 9     | Huỳnh Hồ Tấn Chiến - Nguyễn Thị Thu Trang       | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | K05             | 8     | 144     | Long Bình | 75.6      |
| 10    | Phạm Nhật Trường (chết) - Vương Thị Hạnh Nguyễn | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | D12             | 8     | 217     | Long Bình | 75.6      |
| 11    | Nguyễn Văn Thao - Vũ Thị Huệ                    | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | H04             | 7     | 58      | Long Bình | 75.6      |
| 12    | Hoàng Văn Sơn - Đinh Thị Hoàn                   | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | K04             | 8     | 145     | Long Bình | 75.6      |
| 13    | Cao Anh Hường - Lê Thị Thúy Hòa                 | phường Phước Tân                      | H41             | 7     | 53      | Long Bình | 75.6      |
| 14    | Dương Văn Tiến - Phạm Thị Diệu                  | phường Phước Tân                      | E54             | 7     | 176     | Long Bình | 75.6      |
| 15    | Trần Văn Hòe - Hoàng Thị Thanh Bình             | phường Phước Tân                      | L30             | 8     | 132     | Long Bình | 75.6      |
| 16    | Bùi Triệu Phú - Lê Thị Thùy Na                  | phường Phước Tân                      | B03             | 7     | 283     | Long Bình | 76.2      |
| 17    | Nguyễn Văn Ánh - Phan Thị Lý                    | phường Phước Tân                      | K03             | 8     | 146     | Long Bình | 75.6      |
| 18    | Trần Đức Huệ - Phùng Thị Hợp                    | phường Phước Tân                      | D11             | 7     | 218     | Long Bình | 75.6      |
| 19    | Trịnh Trường Giang - Trần Thị Lương             | phường Phước Tân                      | C56             | 7     | 337     | Long Bình | 75.6      |

| Số TT | Họ và Tên                                                                                 | Địa chỉ                                 | Lô đất bốc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường    | Diện Tích |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|-------|---------|-----------|-----------|
| 20    | Nguyễn Minh Hồng - Hồ Thị Xuân                                                            | phường Phước Tân                        | B49             | 7     | 271     | Long Bình | 75.9      |
| 21    | Nguyễn Duy Cương - Võ Thị Thuý                                                            | phường Phước Tân                        | D13             | 7     | 216     | Long Bình | 75.6      |
| 22    | Nghiêm Hồng Trúc - Lưu Thị Thuy                                                           | phường Phước Tân                        | A39             | 7     | 409     | Long Bình | 75.6      |
| 23    | Võ Thị Thu                                                                                | Khu phố Long Diêm, phường Long Bình Tân | H17             | 8     | 206     | Long Bình | 75.6      |
| 24    | Trần Thanh Nghiêm - Phan Thị Kim Oanh                                                     | Khu phố Long Diêm, phường Long Bình Tân | H15             | 8     | 204     | Long Bình | 75.6      |
| 25    | Dương Trung Hiếu - Hà Thị Diệp                                                            | Khu phố Long Diêm, phường Long Bình Tân | H14             | 8     | 203     | Long Bình | 75.6      |
| 26    | Lưu Quốc Thái - Dương Kim Hà                                                              | Khu phố Long Diêm, phường Long Bình Tân | H16             | 8     | 205     | Long Bình | 75.6      |
| 27    | Nguyễn Quốc Khánh - Nguyễn Diễm Chiên                                                     | Khu phố Long Diêm, phường Long Bình Tân | B39             | 7     | 261     | Long Bình | 75.9      |
| 28    | Nguyễn Văn Võ                                                                             | Long Bình                               | A10             | 7     | 391     | Long Bình | 75.6      |
| 29    | Bùi Thanh Hiếu - Đặng Thị Luyện                                                           | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân   | B44             | 7     | 266     | Long Bình | 75.9      |
| 30    | Nguyễn Văn Công - Hoàng Thị Nga                                                           | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân   | D55             | 7     | 230     | Long Bình | 75.6      |
| 31    | Nguyễn Đức Cường - Nguyễn Thị Hoa                                                         | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân   | D22             | 7     | 207     | Long Bình | 75.6      |
| 32    | Phạm Ngọc Tấn - Lê Thị Hai                                                                | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân   | E12             | 7     | 160     | Long Bình | 75.6      |
| 33    | Nguyễn Quang Vinh - Nguyễn Thị Huệ                                                        | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân   | D15             | 7     | 214     | Long Bình | 75.6      |
| 34    | Nguyễn Văn Hậu - Tạ Thị Hậu                                                               | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân   | D33             | 7     | 197     | Long Bình | 75.6      |
| 33    | Đinh Thị Phương (chép) - Trịnh Thị Vân, Trịnh Thị Kim Thanh, Đinh Thị Dân, Đinh Giang Nam | Long Bình                               | D54             | 7     | 231     | Long Bình | 75.6      |
| 34    | Nguyễn Ngọc Thanh                                                                         |                                         | D55             | 7     | 232     | Long Bình | 75.6      |
| 35    |                                                                                           |                                         | D13             | 7     | 216     | Long Bình | 75.6      |

| Số TT | Họ và Tên | Địa chỉ | Lô đất bóc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường    | Diện Tích |
|-------|-----------|---------|-----------------|-------|---------|-----------|-----------|
| 36    |           |         | D14             | 7     | 215     | Long Bình | 75.6      |
| 37    |           |         | D15             | 7     | 214     | Long Bình | 75.6      |
| 38    |           |         | D16             | 7     | 213     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | D17             | 7     | 212     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E41             | 7     | 189     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E42             | 7     | 188     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E43             | 7     | 187     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E44             | 7     | 186     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E47             | 7     | 183     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E48             | 7     | 182     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E50             | 7     | 180     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E51             | 7     | 179     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E52             | 7     | 178     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E53             | 7     | 177     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E54             | 7     | 176     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E55             | 7     | 175     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E56             | 7     | 174     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E13             | 7     | 159     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E14             | 7     | 158     | Long Bình | 75.6      |

Dự kiến 20 trường hợp

| Số TT | Họ và Tên | Địa chỉ | Lô đất bốc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường    | Diện Tích |
|-------|-----------|---------|-----------------|-------|---------|-----------|-----------|
|       |           |         | E18             | 7     | 154     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E19             | 7     | 153     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E24             | 7     | 148     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E25             | 7     | 147     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E26             | 7     | 146     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E28             | 7     | 144     | Long Bình | 75.6      |
|       |           |         | E29             | 7     | 143     | Long Bình | 75.6      |
| 39    |           |         | E09             | 7     | 163     | Long Bình | 75.6      |
| Tổng  |           |         |                 |       |         | 4761.3    |           |

**3. Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư Quốc lộ 1A - Đoạn tránh thành phố Biên Hòa, tại phường Phước Tân**

|   |                                      |                                       |         |    |     |           |     |
|---|--------------------------------------|---------------------------------------|---------|----|-----|-----------|-----|
| 1 | Đào Xuân Phương - Nguyễn Thị Kim Hậu | kh. phố Vườn Dừa, phường Phước Tân    | 28 LK7  | 50 | 475 | Phước Tân | 81  |
| 2 | Hà Quang Thanh - Nguyễn Thị Hà       | kh. phố Hương Phước, phường Phước Tân | 12 LK12 | 49 | 199 | Phước Tân | 81  |
| 3 | Trần Văn Vũ - Lê Kim Ngân            | kh. phố Vườn Dừa, phường Phước Tân    | 04 LK6  | 50 | 567 | Phước Tân | 81  |
| 4 | Trần Văn Tây - Nguyễn Thị Thúy Hằng  | kh. phố Hương Phước, phường Phước Tân | 02 LK12 | 49 | 209 | Phước Tân | 81  |
| 5 | Phan Xuân Giáp - Lê Thị Tuyết        | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | 09 LK6  | 50 | 780 | Phước Tân | 81  |
| 6 | Nguyễn Văn Thành - Đào Thị Liễu      | Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân | 52 LK3  | 50 | 768 | Phước Tân | 81  |
| 7 | Cao Văn Thân - Nguyễn Thị Tuyết Nga  | phường Phước Tân                      | 44 LK8  | 50 | 727 | Phước Tân | 100 |
| 8 | Nguyễn Thị Liên                      | phường Phước Tân                      | 18 LK6  | 50 | 543 | Phước Tân | 81  |
| 9 | Nguyễn Văn Thúy - Trịnh Thị Lan      | phường Phước Tân                      | 19 LK15 | 49 | 516 | Phước Tân | 81  |

| Số TT       | Họ và Tên                           | Địa chỉ                             | Lô đất bốc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường    | Diện Tích   |
|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|---------|-----------|-------------|
| 10          | Hoàng Thanh Xuân - Nguyễn Thị Nhung | phường Phước Tân                    | 42 LK8          | 49    | 725     | Phước Tân | 100         |
| 11          | Lê Thị Xô - Hoàng Minh Phụng        | Khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân; | 02 LK11         | 49    | 264     | Phước Tân | 81          |
| 12          | Trần Thị Cúc                        | Khu phố Vườn Dừa, P. Phước Tân      | 11 LK14         | 49    | 142     | Phước Tân | 81          |
| 13          | Nguyễn Thị Xuân - Nguyễn Văn Nam    | phường Phước Tân                    | 18 LK7          | 50    | 485     | Phước Tân | 81          |
| <b>Tổng</b> |                                     |                                     |                 |       |         |           | <b>1091</b> |

#### 4. Khu dân cư và tái định cư phường Phước Tân.

|      |                   |                              |        |     |     |           |     |
|------|-------------------|------------------------------|--------|-----|-----|-----------|-----|
| 1    | Nguyễn Ngọc Tuấn  | 127 KP2, phường An Hòa       | 06-LT4 | 72  | 575 | Phước Tân | 84  |
| 2    | Nguyễn Thanh Hoài | 127 A KP2, phường An Hòa     | 05-LT4 | 72  | 576 | Phước Tân | 84  |
| 3    | Phạm Tấn Thành    | 128A tổ 3, KP2, P. An Hòa    | 07-LT4 | 72  | 574 | Phước Tân | 84  |
| 4    | Nguyễn Thị Gái    | 130 tổ 3, KP2, phường An Hòa | 10-LT4 | 72  | 571 | Phước Tân | 84  |
| 5    | Lê Văn Tấn        | 777 tổ 16, KP2 phường An Hòa | 11-LT4 | 72  | 570 | Phước Tân | 84  |
| 6    | Dự kiến 5 hộ      |                              | 02-LT4 | 579 | 72  | Phước Tân | 84  |
| 7    |                   |                              | 03-LT4 | 578 | 72  | Phước Tân | 84  |
| 8    |                   |                              | 04-LT4 | 577 | 72  | Phước Tân | 84  |
| 9    |                   |                              | 12-LT4 | 569 | 72  | Phước Tân | 84  |
| 10   |                   |                              | 13-LT4 | 296 | 72  | Phước Tân | 84  |
| Tổng |                   |                              |        |     |     |           | 840 |

#### 5. Khu tái định cư 9,2ha phường Tân Biên

|   |  |  |  |   |     |          |    |
|---|--|--|--|---|-----|----------|----|
| 1 |  |  |  | 7 | 214 | Tân Biên | 81 |
| 2 |  |  |  | 7 | 244 | Tân Biên | 81 |
| 3 |  |  |  | 7 | 265 | Tân Biên | 81 |
| 4 |  |  |  | 7 | 266 | Tân Biên | 81 |
| 5 |  |  |  | 7 | 272 | Tân Biên | 81 |

1/11/24 24/5/2024

| Số TT | Họ và Tên | Địa chỉ | Lô đất bốc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường   | Diện Tích |
|-------|-----------|---------|-----------------|-------|---------|----------|-----------|
| 6     |           |         |                 | 7     | 285     | Tân Biên | 81        |
| 7     |           |         |                 | 7     | 522     | Tân Biên | 81        |
| 8     |           |         |                 | 7     | 523     | Tân Biên | 81        |
| 9     |           |         |                 | 7     | 524     | Tân Biên | 81        |
| 10    |           |         |                 | 7     | 526     | Tân Biên | 81        |
| 11    |           |         |                 | 7     | 528     | Tân Biên | 81        |
| 12    |           |         |                 | 7     | 530     | Tân Biên | 81        |
| 13    |           |         |                 | 7     | 531     | Tân Biên | 81        |
| 14    |           |         |                 | 7     | 532     | Tân Biên | 81        |
| 15    |           |         |                 | 7     | 534     | Tân Biên | 81        |
| 16    |           |         |                 | 7     | 535     | Tân Biên | 81        |
| 17    |           |         |                 | 7     | 536     | Tân Biên | 81        |
| 18    |           |         |                 | 7     | 537     | Tân Biên | 81        |
| 19    |           |         |                 | 7     | 538     | Tân Biên | 81        |
| 20    |           |         |                 | 7     | 539     | Tân Biên | 81        |
| 21    |           |         |                 | 7     | 540     | Tân Biên | 81        |
| 22    |           |         |                 | 7     | 541     | Tân Biên | 81        |
| 23    |           |         |                 | 7     | 543     | Tân Biên | 81        |
| 24    |           |         |                 | 7     | 544     | Tân Biên | 81        |
| 25    |           |         |                 | 7     | 545     | Tân Biên | 81        |
| 26    |           |         |                 | 7     | 549     | Tân Biên | 81        |
| 27    |           |         |                 | 7     | 550     | Tân Biên | 81        |
| 28    |           |         |                 | 7     | 551     | Tân Biên | 81        |
| 29    |           |         |                 | 7     | 552     | Tân Biên | 81        |
| 30    |           |         |                 | 7     | 553     | Tân Biên | 81        |
| 31    |           |         |                 | 7     | 554     | Tân Biên | 81        |
| 32    |           |         |                 | 7     | 555     | Tân Biên | 81        |
| 33    |           |         |                 | 7     | 556     | Tân Biên | 81        |

| Số TT | Họ và Tên | Địa chỉ | Lô đất bóc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường   | Diện Tích |
|-------|-----------|---------|-----------------|-------|---------|----------|-----------|
| 34    |           |         |                 | 7     | 557     | Tân Biên | 81        |
| 35    |           |         |                 | 7     | 560     | Tân Biên | 81        |
| 36    |           |         |                 | 7     | 564     | Tân Biên | 81        |
| 37    |           |         |                 | 7     | 568     | Tân Biên | 81        |
| 38    |           |         |                 | 7     | 569     | Tân Biên | 81        |
| 39    |           |         |                 | 7     | 571     | Tân Biên | 81        |
| 40    |           |         |                 | 7     | 584     | Tân Biên | 81        |
| 41    |           |         |                 | 7     | 585     | Tân Biên | 81        |
| 42    |           |         |                 | 7     | 586     | Tân Biên | 81        |
| 43    |           |         |                 | 7     | 589     | Tân Biên | 81        |
| 44    |           |         |                 | 7     | 590     | Tân Biên | 81        |
| 45    |           |         |                 | 7     | 592     | Tân Biên | 81        |
| 46    |           |         |                 | 7     | 593     | Tân Biên | 81        |
| 47    |           |         |                 | 7     | 595     | Tân Biên | 81        |
| 48    |           |         |                 | 7     | 596     | Tân Biên | 81        |
| 49    |           |         |                 | 7     | 598     | Tân Biên | 81        |
| 50    |           |         |                 | 7     | 599     | Tân Biên | 81        |
| 51    |           |         |                 | 7     | 600     | Tân Biên | 81        |
| 52    |           |         |                 | 7     | 606     | Tân Biên | 81        |
| 53    |           |         |                 | 7     | 610     | Tân Biên | 81        |
| 54    |           |         |                 | 7     | 611     | Tân Biên | 81        |
| 55    |           |         |                 | 7     | 613     | Tân Biên | 81        |
| 56    |           |         |                 | 7     | 614     | Tân Biên | 81        |
| 57    |           |         |                 | 7     | 618     | Tân Biên | 81        |
| 58    |           |         |                 | 7     | 619     | Tân Biên | 81        |
| 59    |           |         |                 | 7     | 621     | Tân Biên | 81        |
| 60    |           |         |                 | 7     | 622     | Tân Biên | 81        |
| 61    |           |         |                 | 7     | 623     | Tân Biên | 81        |

| Số TT       | Họ và Tên | Địa chỉ | Lô đất bóc thăm | Số tờ | Số thửa | Phường   | Diện Tích   |
|-------------|-----------|---------|-----------------|-------|---------|----------|-------------|
| 62          |           |         |                 | 7     | 625     | Tân Biên | 81          |
| 63          |           |         |                 | 7     | 626     | Tân Biên | 81          |
| 64          |           |         |                 | 7     | 627     | Tân Biên | 81          |
| 65          |           |         |                 | 7     | 628     | Tân Biên | 81          |
| 66          |           |         |                 | 7     | 630     | Tân Biên | 81          |
| 67          |           |         |                 | 7     | 631     | Tân Biên | 81          |
| 68          |           |         |                 | 7     | 635     | Tân Biên | 81          |
| 69          |           |         |                 | 7     | 638     | Tân Biên | 81          |
| 70          |           |         |                 | 7     | 640     | Tân Biên | 81          |
| 71          |           |         |                 | 7     | 641     | Tân Biên | 81          |
| 72          |           |         |                 | 7     | 644     | Tân Biên | 81          |
| 73          |           |         |                 | 7     | 645     | Tân Biên | 81          |
| 74          |           |         |                 | 7     | 650     | Tân Biên | 81          |
| 75          |           |         |                 | 7     | 654     | Tân Biên | 81          |
| 76          |           |         |                 | 7     | 656     | Tân Biên | 81          |
| 77          |           |         |                 | 7     | 658     | Tân Biên | 81          |
| 78          |           |         |                 | 7     | 690     | Tân Biên | 81          |
| 79          |           |         |                 | 7     | 691     | Tân Biên | 81          |
| <b>Tổng</b> |           |         |                 |       |         |          | <b>6399</b> |